

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/DS-PT
Ngày 04-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn

Bà Nguyễn Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố R bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2018/QĐ-PT ngày 05/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Thái Văn T1, sinh năm 1980

Địa chỉ: đường C, khu phố D, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Tiêu Tường T2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: đường K, phường Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2018).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1968

2. Ông Mạc Văn H, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: đường T, phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé N.

(Các đương sự anh T1 và bà N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn anh Thái Văn T1 trình bày: Vào ngày 25/7/2016 bà N có vay của anh số tiền 240.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2%/tháng, bà N hẹn đến ngày 25/10/2016 sẽ trả hết gốc và lãi cho anh. Sau khi vay, bà N không thực hiện đúng như thỏa thuận nên anh đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố R để yêu cầu bà N trả toàn bộ số tiền nêu trên cho anh. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, ông H là chồng bà N đã đứng ra thỏa thuận trả nợ cho anh, cụ thể: Hai bên thống nhất ông H, bà N còn nợ anh 240.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, ông H trả trước 30.000.000 đồng, số tiền còn lại trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; nên anh đã rút đơn khởi kiện. Sau khi thỏa thuận, ông H trả được cho anh số tiền 42.000.000 đồng thì ngưng không trả cho đến nay. Nay anh yêu cầu ông H và bà N trả cho anh số tiền gốc còn lại là 198.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15/6/2017 đến ngày xét xử.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé N trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của anh T1 về thời điểm vay, số tiền vay, việc thỏa thuận trả nợ và số tiền đã trả. Bà thừa nhận hiện nay vợ chồng bà còn nợ anh T1 số tiền 198.000.000 đồng. Bà yêu cầu được trả dần số tiền trên cho anh T1 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin được miễn phần lãi.

* Tại bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố R đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn. Buộc bị đơn ông Mạc Văn H và bà Nguyễn Thị Bé N cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho anh Thái Văn T1 số tiền 209.434.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả trong thi hành án và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 13/02/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị Bé N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà chỉ trả cho ông T1 số tiền 198.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng và xin miễn tiền lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bé N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh Thái Văn T1 là anh Tiêu Tường T2 vắng mặt, tuy nhiên anh T1 có mặt và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T2. Bị đơn ông Mạc Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[2] Xét thấy, tại Giấy mượn tiền ngày 25/7/2016 thể hiện bà N có vay của anh T1 số tiền 240.000.000 đồng, hạn đến ngày 25/10/2016 trả hết số tiền này (bút lục 13). Sau khi thỏa thuận, vợ chồng bà N và ông H trả cho anh T1 được 42.000.000 đồng làm 5 lần, lần cuối vào ngày 15/6/2017, còn nợ lại số tiền 198.000.000 đồng. Nay bà N cũng thừa nhận còn nợ anh T1 số tiền 198.000.000 đồng, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà N, ông H phải trả lại cho anh T1 số tiền gốc còn thiếu là 198.000.000 đồng và tiền lãi là 11.434.500 đồng là phù hợp quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Bà N kháng cáo yêu cầu xin miễn trả tiền lãi, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm anh T1 không đồng ý với yêu cầu này của bà N nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo này của bà N.

[3] Xét kháng cáo của bà N xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, anh T1 không đồng ý với yêu cầu này mà yêu cầu bà N trả một lần cho hết số nợ. Xét thấy, theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19-6-1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án,

quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà N. Tuy nhiên, nếu bà N thật sự có khó khăn về kinh tế thì có thể làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Bà N kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 305, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 19, 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố R.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thái Văn T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bé N và ông Mạc Văn H. Buộc bà Nguyễn Thị Bé N và ông Mạc Văn H có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho anh Thái Văn T1 số tiền gốc là 198.000.000 đồng, tiền lãi là 11.434.500 đồng; tổng cộng là 209.434.500 đồng (hai trăm lẻ chín triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh T1 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà N và ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Hoàn trả cho anh Thái Văn T1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 4.950.000 đồng (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0009643 ngày 03/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Mạc Văn H phải chịu án phí sơ thẩm giá ngạch là 10.471.725 đồng (Mười triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003898 ngày 09/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Bà N không phải nộp thêm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố R;
- THA dân sự thành phố R;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nhiên